

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

## **QUY CHẾ**

**ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**  
**CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**

*Nam Định, tháng 4 năm 2013*

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Quyết định về việc ban hành “Quy chế đào tạo cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của trường Cao đẳng Công nghiệp nam Định”.	1
Quy chế đào tạo cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của trường Cao đẳng Công nghiệp nam Định.	2
<b>Chương I. Những quy định chung</b>	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết	2
Điều 3. Các khái niệm	3
Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy	4
Điều 5. Đánh giá kết quả học tập	5
<b>Chương II. Tổ chức đào tạo</b>	5
Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo	5
Điều 7. Đăng ký nhập học	6
Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo	7
Điều 9. Tổ chức lớp học	7
Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập	7
Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký	9
Điều 12. Đăng ký học lại - Học cải thiện điểm	9
Điều 13. Nghỉ ốm	10
Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực	10
Điều 15. Nghỉ học tạm thời	10
Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học	11
Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình	11
Điều 18. Tiếp nhận sinh viên chuyển trường	12
<b>Chương III. Kiểm tra và thi học phần</b>	13
Điều 19. Đánh giá học phần	13
Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần	13
Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần	14
Điều 22. Điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần	15
Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung	16
Điều 24. Phúc tra và khiếu nại điểm	18

Điều 25. Bảo lưu kết quả và miễn học phần	18
<b>Chương IV. Xét và công nhận tốt nghiệp</b>	18
Điều 26. Làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp	18
Điều 27. Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp	19
Điều 28. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp	19
Điều 29. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo	20
<b>Chương V. Các điều khoản khác</b>	21
Điều 30. Học bổng khuyến khích học tập	21
Điều 31. Học phí	22
<b>Chương VI. Tổ chức thực hiện</b>	22
Điều 32. Điều khoản thi hành	22

Nam Định, ngày 16 tháng 4 năm 2013

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế đào tạo cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định”

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT, ngày 28/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-TCCB ngày 20 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định”.

**Điều 2.** Quy chế này áp dụng cho đào tạo Cao đẳng chính quy trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định từ học kỳ II năm học 2012 - 2013. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Ông (bà) trưởng các đơn vị trực thuộc Hiệu trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH  
TS. Dương Tử Bình

**QUY CHẾ**  
**ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**  
**CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 345/QĐ-CĐCNNĐ ngày 16 tháng 4 năm 2013  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định (CĐCNNĐ), bao gồm các nội dung về: Những quy định chung; tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp, các điều khoản khác và tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên cao đẳng chính quy trường CĐCNNĐ theo học chế tín chỉ từ học kỳ II năm học 2012-2013.

**Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết**

1. Chương trình đào tạo cao đẳng (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học.

2. Chương trình được các khoa trực thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định xây dựng trên cơ sở Chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu ngành chính - ngành phụ).

3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

4. Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định ký ban hành các Chương trình đào tạo của trường đối bậc Cao đẳng. Chương trình đào tạo quy định: Thời gian học tập quy chuẩn, thời gian tối đa và thời gian tối thiểu như sau:

- Thời gian học tập quy chuẩn là số học kỳ (chỉ tính học kỳ chính) mà một sinh viên trung bình cần để hoàn thành chương trình đào tạo của trường CĐCNNĐ là 06 học kỳ chính, thời gian là 03 năm học; tổng số 100 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)

- Thời gian học tập tối đa để hoàn tất chương trình đào tạo của trường CĐCNNĐ là số học kỳ tối đa mà một sinh viên có thể theo học chính khóa tại trường là 10 học kỳ, thời gian là 05 năm.

Diện sinh viên được đặc cách kéo dài "thời gian học tối đa":

Sinh viên bị tạm dừng do thi hành nghĩa vụ quân sự thì thời gian phục vụ trong quân ngũ không tính vào thời gian học - số học kỳ tạm dừng vì lý do này sẽ được cộng thêm vào số học kỳ tối đa theo xác định của quân đội.

- Thời gian học tập tối thiểu để hoàn tất chương trình đào tạo của trường CĐCNNĐ là số học kỳ tối thiểu mà một sinh viên có thể theo học chính khóa tại trường là 05 học kỳ, thời gian là 2,5 năm.

### **Điều 3. Các khái niệm**

#### **1. Tín chỉ học tập**

Tín chỉ là đơn vị dùng để đo khối lượng kiến thức và là đơn vị để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, dựa trên số lượng tín chỉ học tập đã tích lũy được.

Một tín chỉ được quy định như sau:

- Bằng 15 tiết học lý thuyết trên lớp, một tiết học được tính bằng 45 phút.
- Bằng 30 tiết bài tập, thực hành, thí nghiệm, thảo luận trên lớp
- Bằng 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp
- Bằng 90 giờ thực tập tại cơ sở

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (tự học). Số tiết, số tín chỉ, thời gian tự học, thời gian làm việc của giảng viên, cách đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.

#### **2. Học phần:**

**a. Học phần** là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong một học kỳ. Học phần là một trong các loại hình hoặc kết hợp nhiều loại hình sau đây: lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, xê-mi-na, thực tập, đồ án, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã riêng, do Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ quy định.

Khối lượng học phần được quy định như sau:

- Học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành có khối lượng tối thiểu là 2 TC, tối đa là 5 TC.
- Riêng các học phần thực hành, thí nghiệm, đồ án môn học, thực tập tối thiểu là 1 TC, tối đa là 4 TC;
- Khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế có khối lượng tối đa là 4 TC.

Mỗi học phần phải có đề cương thể hiện các nội dung: mục tiêu học phần, các học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần học song hành, cách đánh giá học phần, nội dung chính các chương mục, các giáo trình, tài liệu tham khảo, ... Nội dung đề

cương chi tiết học phần do trưởng bộ môn tổ chức biên soạn và chịu trách nhiệm, trưởng khoa phê duyệt và quyết định đưa vào sử dụng. Giảng viên giảng dạy lớp học phần có nhiệm vụ công bố nội dung đề cương chi tiết học phần cho sinh viên vào tiết đầu tiên của học phần.

#### **b. Các loại học phần:**

- *Học phần bắt buộc*: là học phần bắt buộc mọi sinh viên phải học và tích lũy (đạt được) theo ngành hoặc chuyên ngành mình đã chọn ( bao gồm cả học phần Thực tập cuối khóa, Đồ án hoặc Khóa luận tốt nghiệp được bố trí giai đoạn cuối của quy trình đào tạo).

- *Học phần tự chọn*: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- *Học phần tiên quyết*: là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và thi đạt mới được học tiếp sang học phần có liên quan khác.

- *Học phần học trước*: là học phần sinh viên phải học trước khi học các học phần có liên quan khác mặc dù thi đạt hoặc không đạt.

- *Học phần học song hành*: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia theo ngành hoặc chuyên ngành sinh viên đang học.

- *Học phần thay thế*: được sử dụng khi một học phần thuộc chương trình giáo dục thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng học phần khác được mở trong học kỳ theo sự điều chỉnh chương trình.

- *Học phần tích lũy*: là học phần có kết quả thi kết thúc học phần được từ điểm D trở lên.

- *Học phần điều kiện*: là học phần mà sinh viên phải hoàn thành (đủ điều kiện cấp chứng chỉ) mới được xét tốt nghiệp nhưng điểm thi của học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Các học phần điều kiện gồm: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường cho hệ chính quy được tính từ 7h00 đến 17h30 hàng ngày (đối với giảng dạy lý thuyết) và từ 6 giờ đến 23h00 hàng ngày (đối với giảng dạy thực hành) từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần.

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần theo *thang điểm chữ A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D, F<sup>+</sup>, F*.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy: là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo *thang điểm chữ A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D tính từ đầu khóa học*.

4. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình có trọng số của các học phần được đánh giá bằng các điểm *chữ A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D* mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm kết thúc mỗi học kỳ.

## Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

#### 1. Khóa học:

- Khóa học là thời gian chuẩn cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành nhất định.

- Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học, cụ thể như bảng 1:

Bảng 1. Quy định thời gian học tập quy chuẩn, thời gian học được rút ngắn tối đa, thời gian học được kéo dài tối đa

Bậc Đào tạo	Thời gian học tập quy chuẩn		Số tín chỉ tích lũy	Thời gian học được rút ngắn tối đa		Thời gian học được kéo dài tối đa	
	HK chính	Năm		HK chính	Năm	HK chính	Năm
Cao đẳng	6	3	100	1	0.5	4	2

- Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học như sau: Được phép rút ngắn tối đa 1 học kỳ chính và kéo dài tối đa 4 học kỳ chính. Quá thời hạn tối đa của khóa học là 05 năm (10 học kỳ), sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính quy của Trường.

\* Chú ý: Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.



## **2. Học kỳ:**

Là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo. Trong mỗi học kỳ có quy định khối lượng kiến thức tối thiểu buộc sinh viên phải tích lũy. Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Một học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

## **3. Năm học:**

Một năm học có 2 học kỳ chính, tùy theo điều kiện, trường có thể tổ chức thêm 1 hoặc 2 học kỳ phụ dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ trước đó được đăng ký học lại, học cải thiện kết quả học tập và cho những sinh viên học giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo.

Đầu năm học, nhà trường cung cấp Bản tin hoặc sổ tay sinh viên về kế hoạch, thời khóa biểu giảng dạy, học tập của mỗi học kỳ và năm học, đồng thời công bố rộng rãi trên Website trường có địa chỉ [www.cnd.edu.vn](http://www.cnd.edu.vn)

## **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường, sinh viên phải nộp cho phòng **Công tác Học sinh - Sinh viên** các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ trên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng **Công tác Học sinh - Sinh viên** của trường quản lý.

2. Sau khi xét đủ điều kiện nhập học, phòng **Đào tạo** trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường. Phòng **Công tác Học sinh - Sinh viên, phòng đào tạo** có trách nhiệm làm các thủ tục:

a. Thẻ sinh viên

b. Sổ đăng ký học tập

c. Soạn thảo quyết định giao nhiệm vụ cố vấn học tập trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được Trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

## **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các ngành đào tạo**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định xác định điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hàng năm. Những sinh viên đạt yêu cầu, được trường sắp xếp vào ngành đào tạo đã đăng ký thi tuyển.

## **Điều 9. Tổ chức lớp học**

**1. Lớp sinh hoạt** (lớp hành chính): bao gồm các sinh viên của một khóa, ngành đào tạo, thường được duy trì suốt khóa học. Trường hợp các ngành có đông sinh viên sẽ được chia thành nhiều lớp sinh hoạt. Mỗi lớp sinh hoạt có cố vấn học tập, ban cán sự lớp, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Mỗi lớp sinh hoạt có một mã số để quản lý. Lớp sinh hoạt được tổ chức, hoạt động theo Quy định về công tác quản lý sinh viên. Cố vấn học tập có vai trò cố vấn cho sinh viên trong học tập, hướng dẫn sinh viên đăng ký học, giúp đỡ sinh viên lập và thực hiện kế hoạch học tập trong năm học.

**2. Lớp học phần:** bao gồm các sinh viên đăng ký học cùng một học phần, cùng một thời khóa biểu. Lớp học phần được tổ chức dựa vào số lượng đăng ký học của sinh viên ở mỗi học kỳ. Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, điều kiện thực tế, Hiệu trưởng sẽ quyết định số các lớp học phần. Nhưng mỗi lớp học phần của học kỳ chính không được ít hơn 15 sinh viên (Các học phần chuyên ngành, các ngành có số lượng sinh viên ít Nhà trường sẽ xem xét mở lớp học phần với số lượng ít hơn).

Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác. Sinh viên phải theo dõi kết quả đăng ký học để kịp thời đăng ký học phần khác để đủ khối lượng học tập tối thiểu của mỗi học kỳ.

Mỗi lớp học phần có một mã số, thời khóa biểu và lịch thi riêng.

**3. Lớp học phần đặc biệt:** Đối với những sinh viên có nhu cầu học lại các học phần bị điểm  $F^+$ ,  $F$  của những học kỳ trước đó nhưng không muốn chờ đến khi nhà trường sẽ mở lớp học phần đó theo kế hoạch, muốn kết thúc sớm, sẽ làm đơn trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định mở lớp và phải đóng mức học phí riêng tùy theo thời điểm và số lượng sinh viên đăng ký.

## **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo lịch trình học dự kiến trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc, tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ (trừ học kỳ I, sinh viên học theo TKB được xếp sẵn theo kế hoạch đào tạo - dạng thời khóa biểu “cứng” của học kỳ chính), tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng đào tạo của trường (*có xác nhận của cố vấn học tập*). Khoa và các cố vấn học tập có trách nhiệm thông báo cho sinh viên đăng ký học theo hướng dẫn của Trường. Thời điểm bắt đầu và kết thúc việc đăng ký học do phòng Đào tạo quy định. Đến thời điểm kết thúc, nếu sinh viên nào không đăng ký đủ số tín chỉ tối thiểu theo quy định (xem khoản 3 Điều 10), không có đơn trình bày lý do chính đáng thì coi như đã tự ý bỏ học và bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

Đối với một số ngành đặc biệt, số sinh viên thuộc ngành đào tạo ít, biến động về giảng viên giảng dạy, điều kiện về cơ sở vật chất,...nhà trường sẽ bố trí lớp hành chính học theo lớp học phần cố định.

Có 2 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a. Đăng ký bình thường: là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

b. Đăng ký muộn: là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 01 tuần đầu của kỳ học phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký (không tính các học phần điều kiện như Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh) trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a. Khối lượng kiến thức tối thiểu

Mỗi sinh viên phải đăng ký khối lượng kiến thức tối thiểu trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

- 17 TC cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học và học kỳ phụ, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.

- 12 TC cho mỗi học kỳ đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

b. Khối lượng kiến thức tối đa

Khối lượng học tập tối đa mà mỗi sinh viên được đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

- 23 TC cho mỗi học kỳ (trừ các học phần học lại, học cải thiện và học phần điều kiện) đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

- 16 TC cho mỗi học kỳ (trừ các học phần học lại, học cải thiện và học phần điều kiện) đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

- Số TC tối đa sinh viên đăng ký học vào học kỳ phụ, tùy theo tình hình cụ thể Nhà trường sẽ quy định.

c. Để được xét cấp học bổng khuyến khích học tập, sinh viên phải đăng ký, theo học, dự thi và tích lũy đủ số tín chỉ theo kế hoạch đào tạo của khóa học, ngành học.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể. Trường hợp sinh viên đăng ký học phần mà không đủ điều kiện mở lớp cho học phần đó, phòng Đào tạo sẽ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cố vấn học tập để điều chỉnh việc đăng ký của sinh viên.

5. Phòng Đào tạo của trường chỉ chấp nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký đồng ý của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập và trùng khớp với việc đăng ký trên cổng thông tin của phần mềm quản lý đào tạo.

Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng Đào tạo của trường phát hành và lưu giữ.

### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận tối đa trong 3 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu kỳ học phụ. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học phải nhận điểm F và phải thực hiện nghĩa vụ đóng học phí đầy đủ.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- a. Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo của trường;
- b. Được cố vấn học tập chấp thuận;
- c. Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng Đào tạo.

### **Điều 12. Đăng ký học lại - Học cải thiện điểm**

#### **1. Đăng ký học lại:**

- Đăng ký học lại áp dụng cho các sinh viên đạt điểm  $F^+$ ,  $F$  sau khi thi lần 2 trong kỳ thi phụ đối các học phần đã học trước đó.

- Sinh viên có *học phần bắt buộc* bị điểm  $F^+$ ,  $F$  phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm  $D$  trở lên. Ưu tiên đăng ký học lại sớm các *học phần bắt buộc*.

- Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm  $F^+$ ,  $F$  phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

#### **2. Học cải thiện điểm:**

Đối với học phần bất kỳ đã có kết quả đạt (từ điểm D trở lên), sinh viên được phép đăng ký học để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Thủ tục đăng ký học lại hoặc đăng ký học cải thiện điểm như thủ tục đăng ký học phần lần đầu. Sinh viên có thể đăng ký vào bất kỳ học kỳ nào mà học phần có mở lớp.

### **Điều 13. Nghỉ ốm**

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa. Trong vòng một tuần kể từ ngày ốm phải nộp đầy đủ các thủ tục, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (*đã học đạt từ điểm D trở lên*), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như bảng 2:

**Bảng 2. Xếp hạng năm đào tạo**

1	Sinh viên năm thứ nhất	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 35 tín chỉ
2	Sinh viên năm thứ hai	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 35 đến dưới 69 tín chỉ
3	Sinh viên năm thứ ba	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 69 đến 100 tín chỉ

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a. Hạng bình thường: Nếu điểm TBC tích lũy đạt từ **2,00** trở lên.

b. Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới **2,00** nhưng chưa rơi vào trường hợp cảnh báo kết quả học tập.

3. Kết quả học tập trong kỳ học phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước kỳ học phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo, phòng Công tác học sinh - sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a. Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b. Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c. Vì nhu cầu cá nhân: Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới **2,00**. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo, Phòng công tác HSSV ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

#### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình là 05 năm (10 học kỳ). Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau (tính theo thang điểm 4).

a. Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b. Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 với sinh viên cuối khóa;

c. Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm **F<sup>+</sup>** và **F** còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- a. Bị cảnh báo kết quả học tập 2 kỳ liên tiếp;
- b. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này;
- c. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ, nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định bảo lưu kết quả học tập đối với trường hợp cụ thể.

#### **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

- a. Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
- b. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;
- c. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 của chương trình thứ nhất thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

#### **Điều 18. Tiếp nhận sinh viên chuyển trường**

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định nếu thoả mãn các điều kiện sau đây:

- a. Có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định;
- b. Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp nhận;

c. Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung có kết quả thấp hơn điểm trúng tuyển của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

b. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a. Sinh viên chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

b. Hiệu trưởng Nhà trường quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đến và chương trình hiện tại của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

### **Chương III**

#### **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

##### **Điều 19. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiêu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 50%.

Trong đó các điểm bộ phận được quy định như sau:

a. Điểm chuyên cần có trọng số 10% được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ do giảng viên giao.

\* Điểm thời gian học tập trên lớp:

Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình : 8 điểm

Nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình : 6 điểm

Nghỉ học từ 10% đến 20% số tiết trong chương trình : 4 điểm

Nghỉ học trên 20% số tiết trong chương trình : 0 điểm

\* Điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ do giảng viên giao : 2 điểm

Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết trong chương trình thì không được nhận điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ do giảng viên giao.

Điểm chuyên cần được đánh giá 01 lần vào thời điểm kết thúc học phần”.

b. Nhóm các điểm đánh giá thường xuyên, hoạt động nhóm được đánh giá với trọng số 20%, số điểm được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

c. Điểm thi giữa học phần được đánh giá với trọng số 20%

- d. Điểm tiểu luận hoặc thi kết thúc học phần được đánh giá với trọng số 50%.
2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

### **Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

Cuối học kỳ, trường sẽ tổ chức hai kỳ thi:

1. Thi lần 1 (kỳ thi chính) để thi kết thúc học phần của học kỳ đó. Sinh viên được dự thi lần 1 phải đảm bảo điều kiện sau:
- Phải có đủ các điều kiện đánh giá theo quy định của trường CĐCNNĐ
  - Đóng đủ học phí và các khoản đóng góp theo quy định của trường CĐCNNĐ
2. Thi lần 2 (kỳ thi phụ) cách kỳ thi chính 3 tuần được tổ chức cho những trường hợp sau:
- Sinh viên chưa dự thi kết thúc học phần ở kỳ thi lần 1 vì có lý do chính đáng được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi lần 2, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.
  - Sinh viên có điểm học phần bị điểm  $F^+$ ,  $F$
  - Sinh viên không được dự thi lần 1 do chưa hoàn thành nghĩa vụ học phí sau khi đã nộp bổ sung đầy đủ học phí và các khoản đóng góp theo quy định của trường CĐCNNĐ.
  - Thi cải thiện điểm: Sinh viên có quyền thi cải thiện điểm, song phải xóa điểm thi lần 1, Nhà trường sẽ lấy kết quả thi lần 2 làm kết quả chính thức.
- Thủ tục đăng ký thi lần 2: sinh viên phải viết đơn và nộp về phòng QLKH & ĐBCL, nộp lệ phí thi theo quy định.
- Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ với số tín chỉ đó, ít nhất là 2/3 ngày/1 tín chỉ.
- Lịch trình thi kết thúc học phần được công bố trong Sổ tay sinh viên biên soạn cho từng học kỳ và trên trang Website của Trường.

### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi và chấm thi**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi thực hiện theo Quyết định số 718/QĐ-CĐCNNĐ và Quyết định số 719/QĐ-CĐCNNĐ của Hiệu trưởng trường cao đẳng công nghiệp Nam Định, ký ngày 27 tháng 6 năm 2012.
2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Trưởng khoa đề xuất hình thức thi thích hợp cho từng học phần để Hiệu trưởng phê duyệt.



3. Việc chấm thi kết thúc các học phần (lý thuyết và tiểu luận, bài tập lớn) phải do 2 giảng viên đảm nhiệm.

Phòng QLKH&ĐBCL có trách nhiệm bảo quản các bài thi và lưu giữ các bài thi sau thi. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là 06 tháng sau khi công bố điểm.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do 2 giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc thi học phần.

## **Điều 22. Điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Các thang điểm được sử dụng:

a. Thang điểm 10: gồm các số từ 0 đến 10 (với một số lẻ thập phân) được sử dụng để đánh giá và ghi điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình (kiểm tra giữa kỳ,...), điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần.

b. Thang điểm chữ: gồm các chữ cái từ **A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D, F<sup>+</sup>, F** dùng để đánh giá điểm học phần theo một cách khác tương ứng với điểm học phần trong thang 10 (xem chi tiết trong khoản 2 Điều này)

c. Thang điểm 4: (xem chi tiết trong khoản 2 Điều này) dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, năm học và xếp loại tốt nghiệp.

2. Quy tắc quy đổi giữa các thang điểm:

**Bảng 3. Quy đổi giữa các thang điểm**

<b>Kết quả</b>	<b>Loại</b>	<b>Thang điểm 10</b>	<b>Thang điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 4</b>
Đạt (Tích lũy)	Xuất sắc	9.0 - 10.0	A	4.0
	Giỏi	7.8 - 8.9	B <sup>+</sup>	3.5
	Khá	7.0 - 7.7	B	3.0
	TB khá	6.3 - 6.9	C <sup>+</sup>	2.5
	TB	5.5 - 6.2	C	2.0
	TB yếu	4.7 - 5.4	D <sup>+</sup>	1.5
	Yếu	4.0 - 4.6	D	1.0
Không đạt	Kém	3.0 - 3.9	F <sup>+</sup>	0.5
	Rất kém	0.0 - 2.9	F	0.0

a) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

**I** Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

**X** Chưa nhận được kết quả thi.

b) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu **R** viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm **A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D, F<sup>+</sup>, F** được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà SV đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm **0**;

b) Chuyển đổi từ mức điểm **I** qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp **X** qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm **F** ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm **F**.

5. Việc xếp loại ở mức điểm **I** được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trừ trường hợp đặc biệt (mục a của điều này) trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm **I** phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Nếu sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp buộc thôi học thì vẫn học tiếp ở kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm **X** được áp dụng đối với những học phần mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu **R** được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm **A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D** trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

### **Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo thang điểm 4 như sau:

**Bảng 4. Quy đổi mức điểm chữ ra số theo thang điểm 4**

A	tương ứng với 4.0
B+	tương ứng với 3.5
B	tương ứng với 3.0
C+	tương ứng với 2.5
C	tương ứng với 2.0
D+	tương ứng với 1.5
D	tương ứng với 1.0
F+	tương ứng với 0.5
F	tương ứng với 0.0

Điểm TBCHK, điểm TBCTL được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

A là điểm TBCHK hoặc TBCTL

$a_i$  là điểm của học phần thứ i (điểm đã quy đổi sang thang điểm 4).

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i

$n$  là tổng số học phần đã đăng ký đối với tính điểm TBCHK hoặc số học phần đạt điểm A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D đối với tính điểm TBCTL.

Khi tính điểm TBCHK,  $n$  bao gồm tất cả các học phần được đánh giá đạt và không đạt trong học kỳ (có mức điểm chữ là A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D và F<sup>+</sup>, F).

Khi tính điểm TBCTL,  $n$  chỉ bao gồm các học phần được đánh giá đạt đến thời điểm xét (có mức điểm chữ là A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D).

Kết quả các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh, giáo dục thể chất không tính vào điểm TBCHK và điểm TBCTL. Căn cứ vào kết quả các học phần này, Trường cấp chứng chỉ cho sinh viên theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Điểm TBCHK để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chính chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất với số tín chỉ đăng ký và học đủ khối lượng tín chỉ Nhà trường mở ra trong học kỳ chính.

Điểm TBCHK và điểm TBCTL để xét thôi học, xếp hạng học lực SV và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo kết quả điểm học phần cao nhất trong các lần thi.

2. Xếp loại học tập học kỳ: Căn cứ điểm TBCHK sinh viên được xếp loại học tập như bảng 5:

**Bảng 5. Xếp loại học tập theo học kỳ**

<b>Xếp loại</b>	<b>Điểm TBCHK</b>
Xuất sắc	4.0
Giỏi	3.50 ÷ 3.99
Khá	3.00 ÷ 3.49
TB khá	2.50 ÷ 2.99
TB	2.00 ÷ 2.49
TB yếu	1.50 ÷ 1.99
Yếu	1.00 ÷ 1.49
Kém	0.50 ÷ 0.99
Rất kém	0.0 ÷ 0.49

**Điều 24. Phúc tra và khiếu nại điểm**

Sau khi điểm học phần đã được công bố tại văn phòng Khoa và phần mềm QLĐT của Trường. Nếu thấy có sự nhầm lẫn về điểm, sinh viên có quyền gửi đơn khiếu nại về điểm (cả điểm bộ phận và điểm học phần) đến văn phòng Khoa, chậm nhất là 7 ngày sau khi công bố. Trưởng khoa, giáo vụ khoa có trách nhiệm cùng phòng Đào tạo giải quyết và trả lời khiếu nại của sinh viên theo quy định của Trường.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống Quản lý đào tạo của trường, sinh viên có trách nhiệm gửi đơn đề nghị kiểm tra lại các điểm tương ứng.

**Điều 25. Bảo lưu kết quả và miễn học học phần**

Học phần A được miễn học theo diện bảo lưu kết quả khi sinh viên đã thi đạt học phần tương đương trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của trường.

Việc xem xét miễn học, bảo lưu kết quả đối với sinh viên thuộc diện chuyển trường do Hiệu trưởng quyết định sau khi có ý kiến của Khoa quản lý chuyên môn.

Thời gian bảo lưu các kết quả học tập của các học phần được quy định như sau:

Không quá 5 năm tính đến ngày xét đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

Không quá 4 năm đối với các học phần khác thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Sinh viên đã có quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham gia thi lại tuyển sinh và trúng tuyển vào hệ chính quy thì phải học lại toàn bộ chương trình đào tạo; không được miễn học phần trừ các học phần đã được cấp chứng chỉ riêng như Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.

## **Chương IV**

### **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 26. Làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp**

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức yêu cầu do từng khoa đề nghị trình Hiệu trưởng duyệt. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp được xem là học phần có khối lượng tối đa bằng 4 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn (học phần thay thế), nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Tùy theo điều kiện của trường và đặc thù của ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:

a. Các điều kiện để SV được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp;

b. Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

c. Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, Trường có thể sẽ bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

#### **Điều 27. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp**

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp do các khoa đề nghị, phòng QLKH & ĐBCL tổng hợp. Việc chấm khoá luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên đảm nhiệm, trong đó có một người là giảng viên hướng dẫn và được thực hiện tại Hội đồng chấm. Việc chấm và nghiệm thu đồ án tốt nghiệp (làm ra sản phẩm) do khoa đề xuất Hiệu trưởng thành lập hội đồng.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 1, Điều 22 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 2 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm  $F^+$ ,  $F$ , phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

#### **Điều 28. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: thì được phòng Đào tạo đề nghị trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Có đơn đề nghị xét tốt nghiệp gửi về phòng Đào tạo của trường.

b) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

c) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của quy chế này.

d) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ **2,00** trở lên.

e) Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, các trưởng phòng liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

### **Điều 29. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp Cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

1	Loại xuất sắc	Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00
2	Loại giỏi	Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59
3	Loại khá	Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19
4	Loại trung bình	Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp:

a. Số tín chỉ của các học phần **thi lại vượt quá 5%** so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b. Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 30 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình. Những sinh viên này có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Quy chế này.

## **Chương V** **CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 30. Học bổng khuyến khích học tập**

#### **1. Đối tượng được hưởng học bổng khuyến khích học tập.**

Học bổng khuyến khích học tập được thực hiện theo QĐ số 44/2007/QĐ-BGD-ĐT, ngày 18/5/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và QĐ số 152/2007/QĐ-TTg, ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập là những sinh viên bậc cao đẳng chính quy dài hạn đang học tại trường CĐCNĐ. Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ.

Học bổng chỉ được xét, cấp cho sinh viên trong *thời gian học tập quy chuẩn* của kế hoạch đào tạo của khóa - ngành (quy định tại Điều 6).

Không cấp học bổng cho sinh viên trong thời gian tạm dừng học tập và học bằng thứ 02 không được xét cấp học bổng. Không xét, cấp học bổng cho sinh viên học kỳ cuối khóa học theo *thời gian học tập quy chuẩn* của kế hoạch đào tạo của khóa - ngành (quy định tại Điều 6).

Sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, thuộc diện trợ cấp xã hội hoặc thuộc diện chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành nếu đạt kết quả học tập và rèn luyện thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập như những sinh viên khác.

#### **2. Tiêu chuẩn, xếp hạng và mức học bổng khuyến khích học tập**

a. Sinh viên được xét, cấp học bổng phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có điểm trung bình chung học tập đạt từ khá trở lên - điểm B (không tính kết quả học cải thiện, học lại, thi lại)
- Có điểm rèn luyện từ loại khá trở lên.
- Không có học phần bị điểm **F<sup>+</sup>**, **F**
- Số tín chỉ tích lũy lớn hơn hoặc bằng tổng số tín chỉ theo kế hoạch Nhà trường mở trong học kỳ đó.

b. Xếp hạng và mức học bổng:

- Loại xuất sắc:

Có điểm trung bình chung học tập đạt loại xuất sắc (điểm A), điểm rèn luyện loại xuất sắc. Mức học bổng bằng 1,25 loại giỏi.

- Loại giỏi:

Có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên (điểm B<sup>+</sup> trở lên), điểm rèn luyện loại tốt trở lên. Mức học bổng bằng mức học phí.

- Loại khá:

Có điểm trung bình chung học tập đạt loại khá trở lên (điểm B trở lên), điểm rèn luyện loại khá trở lên. Mức học bổng bằng 0,85 loại giỏi.

Nhà trường căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên tiến hành xét và cấp học bổng theo Khoa - Khóa học - Ngành học. Số sinh viên được hưởng học bổng khuyến khích học tập không quá 15% tổng số sinh viên theo Khoa - Khóa học - Ngành học.

### **Điều 31. Học phí**

1. Sinh viên có trách nhiệm đóng học phí đầy đủ và đúng thời hạn quy định về phòng TC-Kế toán đối với các tín chỉ đã đăng ký chính thức trong học kỳ và những tín chỉ thuộc *chương trình điều kiện* (GDQP - AN có 3 học phần gồm 8 tín chỉ; Giáo dục thể chất gồm 3 tín chỉ được bố trí cứng trên thời khóa biểu). Thời hạn đóng học phí trong 3 tuần đầu kể từ khi bắt đầu vào học kỳ chính và một tuần đầu kể từ khi bắt đầu học kỳ phụ.

2. Hình thức nộp học phí có thể nộp trực tiếp tại phòng Tài chính - Kế toán hoặc qua tài khoản của trường.

3. Những sinh viên chưa đóng học phí sẽ không được tham gia kỳ thi hết học phần của học kỳ đó.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 32. Điều khoản thi hành**

Quy chế này được áp dụng cho các khóa đào tạo Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định, các quy định trước đây trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện các điều khoản có vướng mắc phát sinh cần kịp thời phản ánh về phòng Đào tạo tập hợp trình Hiệu trưởng giải quyết.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế này do Hiệu trưởng quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TS. Dương Tử Bình**